

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

- Bản án số: 13/2020/HNGĐ - ST
- Ngày: 13- 5 - 2020
- V/v: " *Tranh chấp ly hôn* ".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Pì Sách

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiệt
2. Bà Huỳnh Phương Lan

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Ông Lâm Sễn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXX-ST ngày 03 tháng 3 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2020/QĐXX-ST ngày 20/3/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2020/QĐXX-ST ngày 15 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Lệ T, sinh năm 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã MH, huyện Châu Thành, Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Phú Đ, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã VH, Châu Thành, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 05-12-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Lệ T trình bày:

- Về hôn nhân: Vào năm 2014, chị Huỳnh Thị Lệ T và anh Huỳnh Phú Đ quen biết và tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã MH, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/02/2014.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2016 thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn với nhau, lý do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, tính tình không hợp nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt nên chị T và anh Đ đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị T và anh Đ có 01 con chung tên Huỳnh Thanh H, sinh ngày 15/12/2008, hiện nay chị T đang nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con vì chị có đủ điều kiện kinh tế để nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Huỳnh Phú Đ: Không có ý kiến bằng văn bản theo Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, Thông báo phiên họp và Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa anh Đ vắng mặt.

3. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Lệ T đối với bị đơn anh Huỳnh Phú Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Huỳnh Phú Đ không có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Lệ T, Tòa án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Huỳnh Thị Lệ T và anh Huỳnh Phú Đ chung sống với nhau vào năm 2014 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã MH, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/02/2014, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Lệ T:* Vợ chồng chị T và anh Đ không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ nhau nữa, thể hiện qua lời trình bày của chị T tại Tòa án và qua lời khai của mẹ ruột anh Đ cho biết: Chị T và anh Đ có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày, nguyên nhân do giữa chị T và anh Đ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã với nhau, tuy đã được gia đình khuyên can nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn trầm trọng, chị T đã bỏ về cha mẹ ruột sống từ năm 2016 cho đến nay.

Mặt khác, chị T và anh Đ đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay mà tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Tòa án xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án cũng đã triệu tập anh Đ lên Tòa án để mở phiên họp và phiên hòa giải nhưng anh Đ vẫn vắng mặt và tại phiên tòa

hôm nay anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện anh Đ không muốn hàn gắn với chị T. Hơn nữa chị T vẫn cương quyết ly hôn với anh Đ nếu không cho chị T ly hôn là trái với nguyên tắc tự nguyện theo như Luật Hôn nhân gia đình. Vì vậy, yêu cầu của chị T xin ly hôn với anh Đ là có căn cứ để chấp nhận.

[4] *Về nuôi con chung*: Chị T và anh Đ có 01 con chung tên Huỳnh Thanh H, sinh ngày 15/12/2008, hiện nay chị T đang nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con vì chị có thu nhập ổn định, đủ điều kiện kinh tế nuôi con được.

Xét thấy, trong thời gian chị T và anh Đ sống chung cũng như từ thời gian ly thân cho đến nay, cháu Huy vẫn do một mình chị T chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Mặt khác, cháu H cũng có nguyện vọng được sống cùng chị T theo biên bản của Tòa án ngày 27/02/2020 nên giao cháu Huy cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị T được tiếp tục nuôi con chung Huỳnh Thanh Huy. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Đ đúng theo quy định pháp luật nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hoà giải, đối chất về tài sản chung và nợ chung giữa chị T và anh Đ được. Hơn nữa, tại Tòa án cũng như tại phiên tòa chị T xác nhận trong thời gian chung sống cùng anh Đ, chị T và anh Đ không tạo lập được tài sản gì và cũng không có nợ ai. Cho nên về phần tài sản chung và nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án như đã phân tích và nhận định trên.

[7] *Về án phí*: Chị T là nguyên đơn trong vụ án, do đó chị phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án và tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Lệ T và anh Huỳnh Phú Đ.
2. Về nuôi con chung: Giao cháu Huỳnh Thanh H, sinh ngày 15/12/2008 cho chị Huỳnh Thị Lệ T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Huỳnh Phú Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Lệ T phải nộp 300.000 đồng nhưng chị T được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005424 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị T không phải nộp thêm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

5. Quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Thị Lệ T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Huỳnh Phú Đ vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Kiên Giang;
- VKS Huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Toà

Danh Pì Sách

